**TUAÀN: 08**

**TIẾT: 22-23**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD- ĐT TỈNH SÓC TRĂNG  **TRƯỜNG THPT VĂN NGỌC CHÍNH**  ĐỀ CHÍNH THỨC | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC (2023-2024)**  **Môn: Ngữ văn – Khối 11**  *Thời gian làm bài 90 phút (không kể phát đề)* |

**I. MỤC TIÊU KIỂM TRA**:

- Đánh giá mức độ nhận thức của học sinh đối với hai chủ đề sau thời gian học 08 tuần học.

- Kiểm tra kĩ năng đọc- hiểu đoạn trích, nhận diện những đặc điểm thể loại Tùy bút và tản văn

- Kiểm tra- đánh giá năng lực viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm của mình, hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.

- Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực của học sinh.

**II**. **HÌNH THỨC KIỂM TRA**:

- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận. (Đọc + Viết).

- Cách thức kiểm tra: GV cho HS làm bài kiểm tra tự luận tại lớp trong thời gian 90 phút.

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | Tùy bút và Tản văn | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1** | **40** |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**IV.** **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Kí, tuỳ bút, tản văn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.  - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.  - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. | 4 TN | 3TN  1TL | 1 TL | 1TL |
|  |  | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.  - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.  - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.  **Vận dụng cao:**  Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản. | 4 TN | 3TN  1TL | 1 TL | 1TL |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **4** | **4** | **1** | **2TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***35*** | ***20*** | ***15*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **65** | | **35** | |

**V. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD- ĐT TỈNH SÓC TRĂNG  **TRƯỜNG THPT VĂN NGỌC CHÍNH**  ĐỀ CHÍNH THỨC. | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: Văn – Khối 11**  *Thời gian làm bài 90 phút (không kể phát đề)* |

**Phần I: Đọc – hiểu (6.00 đ)**

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

*[…]*

*“****Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Huơu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “Dải sông Đà bọt nước lênh bênh - Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.***

*[…]*

(Trích “*Người lái đò sông Đà*” Nguyễn Tuân, NXB Giáo dục 2015, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 Tập một tr. 191-192)

**Chọn câu trả lời đúng nhất**

**Câu 1.** **Văn bản thuộc thể loại nào?**

A. Truyện ngắn

B. Sử thi

C. Tùy bút

D. Nghị luận

**Câu 2.** **Câu nào KHÔNG thể hiện cái *tôi* của tác giả?**

A. ***Thuyền tôi trôi trên Sông Đà***

B. ***Hình như đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi***

C. ***Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa***

D. ***Thuyền tôi trôi trên “Dải sông Đà bọt nước lênh bênh - Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình”***

**Câu 3.** Chỉ ra yếu tố **biểu cảm** được thể hiện trong văn bản.

A. ***Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc***

B. ***Hình như đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi***

C. ***Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa***

D. ***Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử***

**Câu 4.** Yếu tố miêu tả KHÔNG được thể hiện trong:

A. ***Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa.***

B. ***Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm.***

C. ***Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp.***

D. ***Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến***

**Câu 5.** Chỉ ra yếu tố **tự sự** được thể hiện trong văn bản.

A***. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm***

B. ***Hình như đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi***

C. ***Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu***

D. Cả A,B,C

**Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được dùng trong câu: ***Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa***

A. Nhân hóa

B. Liệt kê

C. So sánh

D. Phóng đại

**Câu 7.** Giải thích nghĩa của từ ***lênh bênh*** trong câu ***Dải sông Đà bọt nước lênh bênh***

A. Nổi trên mặt nước

B. Nổi hẳn lên trên mặt nước

C. Trôi nhẹ nhàng theo làn sóng

D. Trạng thái nổi hẳn lên trên mặt nước và trôi nhẹ nhàng theo làn sóng.

**Câu 8:**Nêu nội dung chính của đoạn trích trên

**Câu 9:** Xác định phương thức biểu đạt trong đoạn văn trên

**Câu 10:**Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của nó.

**Phần II: Làm văn (4.0 đ)**

Hiện nay còn nhiều học sinh mất tập trung và lo việc riêng trong giờ học. Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.

---- Hết ----

*Thí sinh không sử dụng bất cứ tài liệu nào.*

**VI. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,00** |
|  | **1** | C | 0,50 |
| **2** | B | 0,50 |
| **3** | B | 0,50 |
| **4** | D | 0,50 |
| **5** | A | 0,50 |
| **6** | C | 0,50 |
| **7** | D | 0,50 |
| **8** | **\* Nội dung chính của đoạn trích:** Nhà văn miêu tả khi xuôi thuyền trên sông Đà; cảnh ven sông thơ mộng, lặng tờ, dạt dào sức sống.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,50 điểm*  *- Học sinh trả lời đảm bảo được một nửa số ý: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,00 điểm.* | 0,50 |
| **9** | **\*** Phương thức biểu đạt trong đoạn văn trên là:  miêu tả, biểu cảm, tự sự.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,00 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 2 ý: 0,50 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời khác hoặc không trả lời: 0,00 điểm.* | 1,00 |
| **10** | **\* Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên là:**  - **So sánh**: *Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa.*  => Cảm nhận đôi bờ sông Đà thơ mộng, trữ tình, hoang sơ như khu vườn cổ tích cổ xưa.  - **Nhân hóa**: *Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”*  => Cảnh vật sống động, có hồn, cái nhìn say đắm của tác giả với sông Đà.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,00 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,50 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,00 điểm.* | 1,00 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,00** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:**Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,50 |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài**  Ở các trường học hiện đang phải đối mặt với mối đe dọa từ chính thứ chất liệu nhựa gây nên. |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.  Sau đây là một hướng gợi ý:  **\* Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (Ở các trường học hiện đang phải đối mặt với mối đe dọa từ chính thứ chất liệu nhựa gây nên)  **\* Thân bài:**  ***- Giải thích:*** Nhựa là một trong những chất liệu tiện dụng nhất mà con người từng phát minh. Tuy nhiên, ngày nay trong trường học đang phải đối mặt với mối đe dọa từ chính thứ chất liệu này gây nên.  **- Nguyên nhân**  + Rác thải nhựa, phế phẩm từ nhựa như chai, lọ, túi nilon đang bị các học sinh vứt bừa bãi, khắp nơi trong các góc cây, cạnh thùng rác, cả trong hộc bàn và các hành lang lớp học, đặt ra một thách thức về vấn đề môi trường trong trường học là rất lớn.  + Rác thải nhựa gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đất và nước, ảnh hưởng sự sinh trưởng của cây trồng.  => Điều này đang đặt ra một thách thức về vấn đề môi trường, đe dọa biến Trái đất trở thành “Trái nhựa” theo đúng nghĩa đen.  **- Hậu quả:**  + Ảnh hưởng mĩ quan trường học, đến sức khỏe của các học sinh và sinh vật trong trường.  + Làm nghiêm trọng hơn tình trạng nóng lên của Trái Đất.  + Nhựa rất khó phân hủy và tái chế, dù là đốt hay chôn dưới lòng đất.  ***- Bài học:***  - Liên hệ bản thân và rút ra bài học về nhận thức và hành động.  **\* Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc, dẫn chứng phù hợp, thuyết phục: 2,0 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.*  *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* | 3,00 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,50 |
|  | *đ. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |

**\* Xem và kiểm tra lại cả Nội dung và Hình thức.**